

Bản án số: 46/2018/DS-PT
Ngày: 15-8-2018
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Bảy

Các Thẩm phán: Bà Cao Thị Huyền

Ông Đinh Văn Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1981; (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968; (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn T, sinh năm 1966; (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966; (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Anh T, sinh năm 1956; (có mặt)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1985;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1981;

3. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1990; (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Thôn H, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V: Ông Nguyễn T, sinh năm 1966; trú tại Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang C- Phó Chủ tịch và ông Lê Văn H- Cán bộ Tư pháp- Hộ tịch xã T; (có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C trình bày:

Hai hộ gia đình ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C dùng chung một con mương chảy từ đồng cát ra ruộng, trước kia mương này nằm trong phần lưới B40 vườn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Th. Ông T tự ý lấp mương nước để xây dựng tường rào, ông bà có yêu cầu ông T chừa mương thoát nước nhưng ông T không đồng ý và vẫn tiếp tục xây dựng làm cho trời mưa nước ngập đường đi vào nhà ông bà. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Th phải trả lại diện tích đất mương thoát nước mà ông T, bà Th đã lấn chiếm làm tường rào, theo kết quả đo đạc là 13,1m² để hai hộ ông bà được quyền sử dụng làm mương thoát nước và đường đi.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Diện tích đất của ông bà tại thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 01 có diện tích 770m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C210548 ngày 12/09/1994 và được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/2016 tại thửa đất số 926, tờ bản đồ số 08, diện tích 784,6m², nhưng theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích hiện trạng ông bà đang sử dụng là 733,1m² (kể cả diện tích đất tranh chấp 13,1m²), ông bà sử dụng đất đúng ranh giới, hiện trạng, không có lấn đất của ai. Lúc ông bà xây tường rào cách đây hai năm không có ai tranh chấp, đồng thời diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho hộ ông bà về tứ cận không có mương thoát nước. Nay ông H, bà C cho rằng ông bà lấn đất mương thoát nước để làm tường rào là không đúng, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà C.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn S trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của ông T, bà Th, gia đình ông không lấn đất của hộ bà C, ông H nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H. Ngoài ra, diện tích đất gia đình ông đang sử dụng còn thiếu so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có việc lấn đất mương thoát nước để xây tường rào.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh T trình bày:

Ông T, bà Th đã lấn đất mương thoát nước để làm tường rào, do đó đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Th phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm để làm tường rào theo kết quả đo đạc là 13,1m² để hai hộ ông và ông H được quyền sử dụng làm đường đi và mương thoát nước.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, ông Nguyễn Quang C và ông Lê Văn H trình bày:

Diện tích đất tranh chấp 13,1m² ông H, bà C khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả lại để làm mương thoát nước và đường đi thuộc diện tích đất giao thông do Ủy ban nhân dân xã T quản lý, theo bản đồ 64/CP thì không thể hiện có mương thoát nước. Nay ông H và bà C khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 5 Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh H, bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Th trả lại diện tích đất 13,1m², có vị trí: Đông giáp đường bê tông, Tây giáp đất vườn nhà bà C, Nam giáp với đất nhà ông T, Bắc giáp với đường đất tại Thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/4/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam cho rằng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng mà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C thì thấy: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/6/2017 xác định diện tích đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Th là 13,1m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường bê tông, phía Tây giáp đất vườn nhà bà Nguyễn Thị C, phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn T, phía Bắc giáp với đường đất tại thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ông H và bà C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th phải trả lại diện tích nương thoát nước 13,1m² mà ông T và bà Th đã lấn chiếm xây dựng tường rào cho hai hộ ông H và bà C sử dụng vì ông H và bà C cho rằng hai hộ ông bà đã dùng chung con nương thoát nước chảy từ đồng cát ra ruộng, trước kia nương này nằm trong phần lưới B40 trong vườn nhà ông T, ông T đã tự ý lấp nương nước để xây dựng tường rào, đến mùa mưa nước trong vườn không thoát ra được làm ngập đường đi vào nhà hai hộ ông H và bà C.

[2] Mặt khác, theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam vào ngày 20/7/2017 và ngày 30/3/2018 (BL 60, 105) thì diện tích đất tranh chấp 13,1m² giữa ông H, bà C với ông T, bà Th là đất do UBND xã T quản lý, chưa giao cho ai quản lý, sử dụng. Như vậy, việc ông H và bà C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th phải trả lại diện tích nương thoát nước 13,1m² cho ông bà sử dụng nhưng diện tích đất này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông H và bà C nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông H và bà C là có căn cứ, còn việc xử lý đất lấn chiếm thuộc quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên lĩnh vực quản lý đất đai ở địa phương.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà C không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông bà mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tòa án cấp sơ thẩm đã tính đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 38, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 14 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Th trả lại diện tích đất 13,1m², có vị trí: Phía Đông giáp đường bê tông, phía Tây giáp đất vườn nhà bà Nguyễn Thị C, phía Nam giáp với đất nhà ông Nguyễn T, phía Bắc giáp đường đất tại thôn Q, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H và bà C đã nộp theo biên lai thu số 0002726 ngày 07 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C phải chịu, ông H và bà C đã nộp xong.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Anh H và bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H và bà C đã nộp theo biên lai thu số 0000507 ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố T;
- CC THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Ngô Đình Bẩy

